

# Khảo sát định hướng nghề nghiệp của sinh viên Khoa Dược - Đại học Nguyễn Tất Thành

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Khoa Dược, Đại học Nguyễn Tất Thành  
quynhntn@ntt.edu.vn

## Tóm tắt

Đề tài dùng bảng hỏi để khảo sát định hướng nghề nghiệp của 312 sinh viên khóa 13DDS chuẩn bị tốt nghiệp (255 sinh viên chuyên ngành Quản lý cung ứng thuốc, 57 sinh viên chuyên ngành Sản xuất thuốc) và 350 sinh viên khóa 14DDS chuẩn bị chọn chuyên ngành. Cỡ mẫu được tính theo công thức của Slovin (1960). Kết quả cho thấy 97,43% sinh viên khóa 14DDS và 95,19% khóa 13DDS lựa chọn đi làm sau khi tốt nghiệp. Khóa 13DDS lựa chọn: Dược sĩ nhà thuốc bệnh viện (11,91%), Nhân viên văn phòng (11,01%), Dược sĩ nhà thuốc tư nhân (9,51%). Chuyên ngành Quản lý cung ứng thuốc khóa 13DDS chọn Marketing (8,55%), Kinh doanh tự do (8,20%), Trình dược viên (7,50%); chuyên ngành Sản xuất thuốc chọn QA (13,43%) và QC (7,46%). Có 86,29% sinh viên 14DDS dự định chọn chuyên ngành Quản lý cung ứng thuốc, tương đồng với khóa 13DDS và hoàn toàn phù hợp với thực tế nhu cầu xã hội. Khóa 14DDS lựa chọn: Dược sĩ nhà thuốc tư nhân (15%), Kinh doanh tự do 13%, Dược sĩ nhà thuốc bệnh viện và marketing dược chiếm 10%. Chỉ có 5% sinh viên của mỗi khóa chọn Dược sĩ lâm sàng, 3% sinh viên khóa 13DDS và 2% sinh viên khóa 14DDS chọn nuôi trồng dược liệu. Mức lương mong muốn là 8 – dưới 12 triệu (47,1% khóa 13DDS, 44,9% khóa 14DDS), 5 – dưới 8 triệu (39,7% khóa 13DDS, 38,5% khóa 14DDS)...

Nhận 28.12.2018  
Được duyệt 06.03.2019  
Công bố 26.03.2019

**Từ khóa**  
định hướng nghề nghiệp,  
sinh viên khoa Dược Đại  
học Nguyễn Tất Thành,  
13DDS, 14DDS

© 2019 Journal of Science and Technology - NTTU

## 1 Đặt vấn đề

Hiện nay, cánh cửa đại học đang dần được mở rộng, là cơ hội cho tất cả những ai muốn có tấm bằng đại học. Dược đánh giá là ngành học danh giá với nhiều tiềm năng về cơ hội việc làm, ngành Y – Dược vẫn luôn được xem là ngành học được lựa chọn hàng đầu trong hệ thống giáo dục Việt Nam. Nắm bắt được những nhu cầu đó, nhiều trường đại học, cao đẳng trên cả nước ngày càng mở rộng qui mô, hệ thống đào tạo ở nhiều hệ, nhiều trình độ khác nhau, đặc biệt chú trọng đào tạo nguồn nhân lực Dược có trình độ cao – Dược sĩ đại học. Tuy nhiên, một thực trạng chung ở tất cả các nước là số lượng sinh viên ra trường không xin được việc làm rất lớn. Nguyên nhân chính là do kết quả đào tạo không đáp ứng được nhu cầu xã hội.

Ngày 06/04/2016, Luật Dược 2016 được ban hành. Nghị định số 54/2017/NĐ-CP cũng được ra đời để quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dược, cùng với đó là xu hướng mới và sự chú trọng trên một số lĩnh vực của hoạt động hành nghề Dược. Là một Dược sĩ trong

thời đại mới, cần phải nắm bắt những xu hướng này để có thể đáp ứng nhu cầu của xã hội và tìm kiếm việc làm. Với mong muốn nắm bắt những định hướng nghề nghiệp của sinh viên khoa Dược - Đại học Nguyễn Tất Thành, có nguồn tư liệu chuẩn bị các nguồn lực cần thiết về đào tạo kiến thức, kỹ năng, các hoạt động hỗ trợ khả năng cạnh tranh của sinh viên sau khi ra trường, từ đó kịp thời điều chỉnh hướng đi phù hợp cho các em ngay từ những ngày còn ngồi trên ghế nhà trường, đồng thời cũng qua đó làm tăng khả năng cạnh tranh về khả năng thu hút sinh viên trong tuyển sinh, đề tài “Khảo sát định hướng nghề nghiệp của sinh viên khoa Dược - Đại học Nguyễn Tất Thành” được thực hiện.

## 2 Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp phỏng vấn sâu: phỏng vấn các nhà quản lý, nhân viên tại các cơ sở sản xuất, công ty Dược, sinh viên khóa 13DDS và 14DDS để xây dựng bộ câu hỏi khảo sát định hướng nghề nghiệp (ĐHNH).

Phương pháp điều tra bằng phiếu câu hỏi khảo sát: Phiếu câu hỏi khảo sát có 25 câu, bao gồm 2 thành phần cơ bản: Phần thông tin khách thể (7 câu) và Nội dung khảo sát (18 câu) dùng đánh giá chủ yếu 4 phương diện: tình hình định hướng công việc của sinh viên (loại công việc mong muốn, nơi làm việc, loại hình công ty mong muốn làm việc, mức lương mong muốn); các yếu tố ảnh hưởng đến ĐHNN (nhân tố tác động đến ĐHNN, phương tiện tiếp cận ĐHNN); quan điểm về đào tạo, ĐHNN của nhà trường (mức độ hài lòng, mong muốn cải thiện); nhận thức, thái độ, hành vi đối với ngành học và ĐHNN trong tương lai; câu hỏi kiểm tra tính hợp lệ của phiếu khảo sát (kiểm tra xem người được khảo sát có đọc khảo sát hay không - do không tiếp xúc trực tiếp với khách thể nghiên cứu).

Phương pháp phân tích và xử lý số liệu:

Xử lý số liệu bằng phần mềm Microsoft Office Excel 2013 và SPSS phiên bản 22.0 và để xử lý thống kê như: tính tần số, tỉ lệ phần trăm, trị số trung bình các số liệu thu được từ phương pháp điều tra bằng bảng hỏi.

Nghiên cứu sử dụng công thức của Slovin (1960) để kiểm tra lại tính tối ưu của mẫu.

Công thức chọn mẫu được tính như sau:  $n = \frac{N}{1+N.e^2}$

Trong đó: + n: Qui mô mẫu  
+ N: Tổng thể dân số  
+ e: Sai số chọn mẫu mong muốn  
(với mức ý nghĩa 95%; e = 0,05)

Cụ thể: đề tài khảo sát định hướng nghề nghiệp của 312 sinh viên khóa 13DDS chuẩn bị tốt nghiệp (255 sinh viên chuyên ngành quản lý và cung ứng thuốc và 57 sinh viên chuyên ngành sản xuất và phát triển thuốc) và 350 sinh viên khóa 14DDS chuẩn bị chọn chuyên ngành.

### 3 Kết quả nghiên cứu và bàn luận

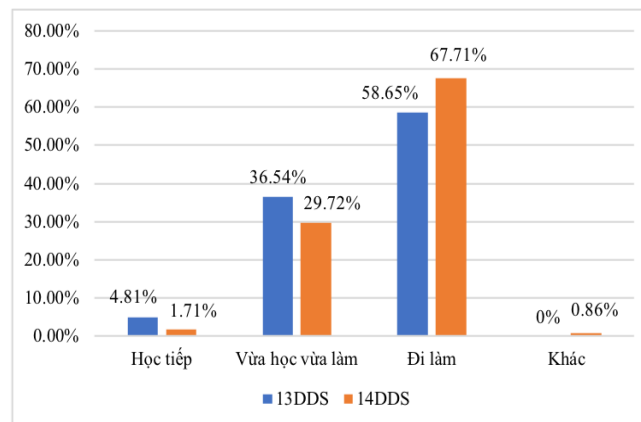
Về định hướng tương lai sau khi tốt nghiệp

**Bảng 1** Định hướng tương lai sau khi tốt nghiệp

Hình thức học	13DDS		14DDS	
	Số sinh viên	Tỉ lệ (%)	Số sinh viên	Tỉ lệ (%)
Học tiếp	15	4,81	6	1,71
Vừa học vừa làm	114	36,54	104	29,72
Đi làm	183	<b>58,65</b>	237	<b>67,71</b>
Khác	0	0	3	0,86
<b>Tổng</b>	<b>312</b>	<b>100,00</b>	<b>350</b>	<b>100,00</b>

Khi được hỏi về định hướng tương lai, khóa 13DDS có 183 sinh viên muốn đi làm ngay khi tốt nghiệp (chiếm tỉ lệ 58,65%), 114 sinh viên dự định vừa học vừa làm (chiếm 36,54%) và 15 sinh viên chuẩn bị cho kế hoạch học văn bằng 2 hoặc cao học (chiếm 4,81%). Khóa 14DDS có tỉ lệ sinh viên dự định đi làm ngay sau khi tốt nghiệp chiếm 67,71%, cao hơn tỉ lệ 58,65% của khóa 13DDS. Như vậy, phần lớn sinh viên có dự định đi làm sau khi tốt nghiệp: tổng số sinh viên xác định đi làm (bao gồm đi làm và vừa

học vừa làm) của khóa 14DDS chiếm 97,43% cao hơn so với khóa 13DDS (95,19%) (Bảng 1, Hình 1).



**Hình 1** Định hướng sau tốt nghiệp khóa 13DDS và 14DDS

Về chuyên ngành theo học và loại hình công ty, công việc mong muốn

**Bảng 2** Thống kê chuyên ngành lựa chọn của sinh viên khóa 13DDS và 14DDS

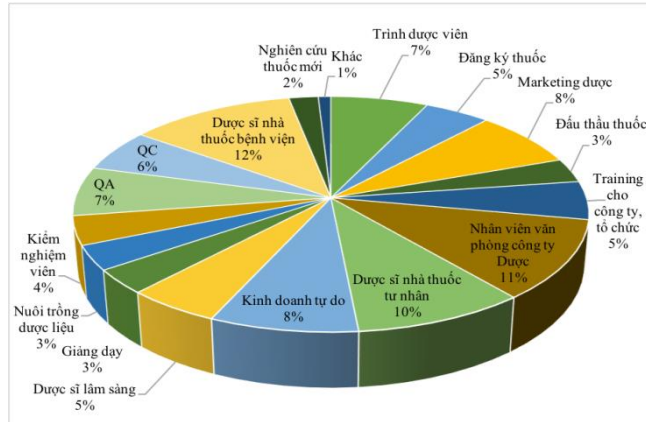
Khóa	Chuyên ngành	Quản lý và cung ứng thuốc		Sản xuất và phát triển thuốc	
		Số lượng	Tỉ trọng (%)	Số lượng	Tỉ trọng (%)
13DDS		255	81,73	57	18,27
14DDS		302	86,29	48	13,71

Bảng 2 cho thấy trong mẫu khảo sát khóa 13DDS, có 255 sinh viên theo chuyên ngành quản lý và cung ứng thuốc (chiếm 81,73%), sản xuất và phát triển thuốc có 57 sinh viên (18,27%). Khóa 14DDS tại thời điểm khảo sát đang chuẩn bị chọn chuyên ngành. Trong số 350 sinh viên tham gia khảo sát, có 302 bạn dự định chọn chuyên ngành quản lý cung ứng thuốc, chiếm 86,29%, trong khi chuyên ngành sản xuất và phát triển thuốc chỉ chiếm 13,71%. Kết quả khảo sát cho thấy, chuyên ngành được sinh viên lựa chọn nhiều nhất là quản lý và cung ứng thuốc. Kết quả này khá tương đồng với thực tế chọn chuyên ngành của khóa 13DDS. Điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế nhu cầu lao động hiện nay trên lĩnh vực Dược, tương ứng với việc sinh viên khoa Dược đã nắm bắt được nhu cầu xã hội hiện nay.

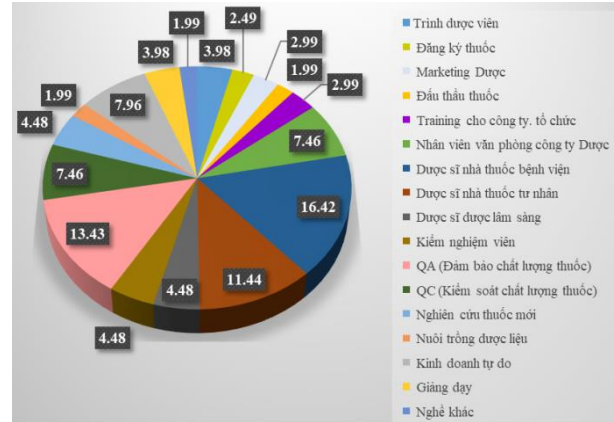
Ba công việc được sinh viên 13DDS lựa chọn nhiều nhất là Dược sĩ nhà thuốc tại các bệnh viện chiếm 11,91%, tiếp đến là Nhân viên văn phòng ở các công ty Dược chiếm 11,01% và Dược sĩ tại nhà thuốc tư nhân chiếm 9,51% (Hình 2). Xét theo từng chuyên ngành, có sự phân hóa nhóm nghề. Ngoài ba công việc được lựa chọn ở trên thì chuyên ngành quản lý và cung ứng thuốc có các nghề thiên về kinh tế được lựa chọn cao như marketing (8,55%), kinh doanh tự do (8,20%), trình dược viên (7,50%). Ngược lại, ở sản xuất và phát triển thuốc lại chọn những nhóm thiên về sản xuất hay những công việc phục vụ trong nhà máy, xí nghiệp cao như QA (13,43%) và QC

(7,46%). Nhìn chung, sinh viên đã có định hướng tương đối rõ ràng về ngành học cũng như là đã xác định rõ công việc của

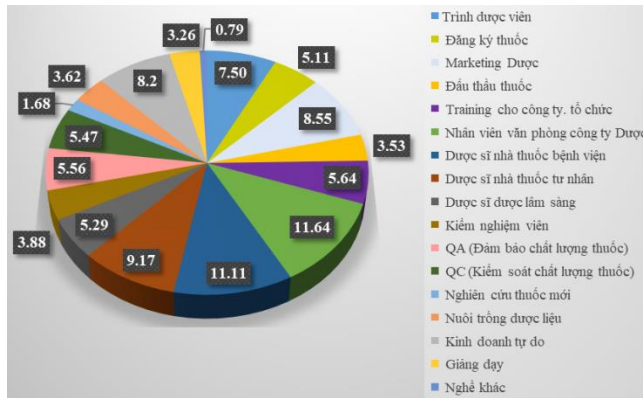
mình trong tương lai (Hình 3 và Hình 4).



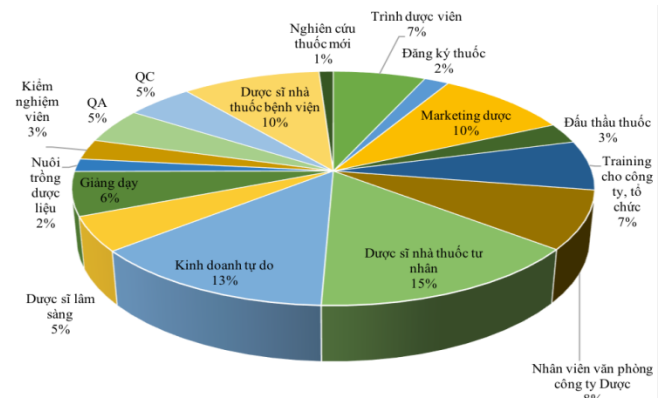
**Hình 2** Dự định nghề nghiệp của sinh viên khóa 13DDS



**Hình 3** Sự lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên 13DDS chuyên ngành Sản xuất và phát triển thuốc



**Hình 4** Sự lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên 13DDS chuyên ngành quản lý và cung ứng thuốc



**Hình 5** Dự định nghề nghiệp của sinh viên khóa 14DDS

Khi được hỏi về việc làm mong muốn sau ra trường của các bạn sinh viên khóa 14DDS, dược sĩ nhà thuốc tư nhân chiếm tỉ lệ cao nhất về dự định nghề nghiệp (15%), kinh doanh tự do chiếm 13%, dược sĩ nhà thuốc bệnh viện và marketing dược chiếm 10% (Hình 5).

toàn phù hợp với định hướng chuyên ngành quản lý cung ứng thuốc mà phần lớn sinh viên lựa chọn. Ngoài ra, trong những nghề mà sinh viên chọn, chiếm tỉ lệ cao nhất thuộc về dược sĩ nhà thuốc bệnh viện, dược sĩ nhà thuốc tư nhân, nhân viên văn phòng là điều hoàn toàn dễ hiểu khi mà số lượng sinh viên nữ chiếm tỉ lệ rất đông trong khóa (67,63% ở khóa 13DDS, 73,14% ở khóa 14DDS). Marketing dược và trình dược viên cũng được sinh viên lựa chọn với tỉ lệ lớn, thể hiện sự năng động của các bạn sinh viên (Hình 2 và hình 5).

Bảng 3 so sánh sự khác biệt về dự định nghề của khóa 13DDS và 14DDS cho thấy tỉ lệ cao sinh viên cả hai khóa đều lựa chọn các nghề: dược sĩ nhà thuốc bệnh viện, dược sĩ nhà thuốc tư nhân, kinh doanh tự do, nhân viên văn phòng, marketing dược, trình dược viên. Điều này là hoàn

**Bảng 3** So sánh sự khác biệt về dự định nghề khóa 13DDS và 14DDS - Nghề nghiệp (xếp theo tỉ trọng giảm dần)

STT	13DDS		14DDS	
	Nghề nghiệp	Tỉ trọng (%)	Nghề nghiệp	Tỉ trọng (%)
1	Dược sĩ nhà thuốc bệnh viện	12	Dược sĩ nhà thuốc tư nhân	15
2	Nhân viên văn phòng	11	Kinh doanh tự do	13
3	Dược sĩ nhà thuốc tư nhân	10	Dược sĩ nhà thuốc bệnh viện	10
4	Marketing dược	8	Marketing dược	10
5	Kinh doanh tự do	8	Nhân viên văn phòng	8

6	Trình dược viên	7	Trình dược viên	7
7	QA	7	Training cho công ty	7
8	QC	6	Giảng dạy	6
9	Dược lâm sàng	5	Dược lâm sàng	5
10	Đăng kí thuốc	5	QA	5
11	Training cho công ty	5	QC	5
12	Kiểm nghiệm viên	4	Kiểm nghiệm viên	3
13	Nuôi trồng dược liệu	3	Đầu thầu thuốc	3
14	Giảng dạy	3	Nuôi trồng dược liệu	2
15	Đầu thầu thuốc	3	Đăng kí thuốc	2
16	Nghiên cứu thuốc mới	2	Nghiên cứu thuốc mới	1
17	Khác	1	Khác	0

Luật Dược 2016 được thông qua ngày 26/04/2016, đã cho thấy hướng đi rất mới đối với ngành Dược là phát triển công tác dược lâm sàng tại các bệnh viện và nhà thuốc, đồng thời cũng cho thấy chính sách của Nhà nước trong việc khuyến khích, ưu tiên phát triển các loại thuốc có nguồn gốc dược liệu, thuốc cổ truyền, bảo tồn nguồn gen dược liệu quý hiếm. Thực tế cũng cho thấy nhu cầu xã hội hiện nay rất cần đến các dược sĩ lâm sàng và nhu cầu về việc sử dụng các loại thuốc có nguồn gốc từ dược liệu và thuốc cổ truyền ngày càng lớn. Tuy nhiên, kết quả khảo sát ở Bảng 3 lại cho thấy, khi xếp tỉ trọng các nghề dược sinh viên lựa chọn nhiều nhất theo thứ tự giảm dần, dược sĩ lâm sàng chỉ đứng vị trí số 9 cho cả hai khóa, nuôi trồng dược liệu đứng vị trí số 13 đối với khóa 13DDS và vị trí số 14 đối với khóa 14DDS. Điều này cho thấy, sinh viên vẫn chưa nhạy bén với xu hướng chuyển dịch ngành nghề hiện nay. Đây là một điều đáng tiếc trong tương lai, khi sinh viên không nắm bắt được sự thay đổi dần của nhu cầu xã hội.

Về địa điểm làm việc

Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng TP.HCM được đa số sinh viên lựa chọn ở lại làm việc sau khi ra trường (chiếm 77,56% ở khóa 13DDS và 76% ở khóa 14DDS). TP.HCM là trung tâm kinh tế đứng đầu cả nước, là thị trường lao động năng động thu hút nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư, nên nhu cầu về nhân sự là vô cùng lớn; thu nhập tại đây cũng cao hơn so với những thành phố trên cả nước. Mỗi năm, một lượng lớn sinh viên ra trường từ các trường đại học trên địa bàn thành phố ở lại làm việc. Điều này dễ nhận thấy khi tỉ lệ nhập cư tăng liên tục qua các năm.

Về lí do lựa chọn nghề nghiệp và nơi làm việc

**Bảng 4** Các yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp

Yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp	13DDS		14DDS	
	Sinh viên chọn	Tỉ lệ (%)	Sinh viên chọn	Tỉ lệ (%)
Thu nhập cao	256	<b>82,05</b>	264	<b>75,43</b>

Tích lũy kinh nghiệm	234	<b>75,00</b>	207	<b>59,14</b>
Quy mô, tên tuổi công ty	118	37,82	75	21,43
Áp lực công việc thấp	99	31,73	59	16,86
Cơ hội thăng tiến	178	<b>57,05</b>	206	<b>58,86</b>
Dễ tìm việc làm	187	<b>59,94</b>	66	18,86
Đúng chuyên ngành	102	32,69	91	26,00
Gần gia đình	157	50,32	100	28,57
Sở thích	175	56,09	106	30,29
Công việc ổn định	123	39,42	189	<b>54,00</b>
Yếu tố khác	34	10,90	27	7,71
<b>Số yếu tố trung bình/sinh viên</b>	<b>5,33</b>		<b>3,97</b>	

Có nhiều nguyên nhân cho sinh viên chọn cho mình một công việc và nơi làm việc lí tưởng, nhưng đa số sinh viên cho rằng yếu tố hấp dẫn nhất khi chọn nghề nghiệp là có mức thu nhập cao hơn các nơi khác, thể hiện qua 82,05% sinh viên khóa 13DDS và 75,43% sinh viên khóa 14DDS chọn thu nhập cao là yếu tố chính ảnh hưởng đến việc lựa chọn nghề nghiệp (Bảng 4).

Yếu tố tiếp theo là “tích lũy kinh nghiệm” được sinh viên đánh giá rất cao khi tìm kiếm việc làm (75% sinh viên khóa 13DDS chọn và 59,14% sinh viên khóa 14DDS chọn), điều này hoàn toàn hợp lí vì hầu như sinh viên nào ra trường, ngoài thu nhập ổn định có thể trang trải cho mức sống cao ở TP.HCM thì kinh nghiệm trong công việc luôn là một yếu tố hấp dẫn sinh viên. “Cơ hội thăng tiến” cũng là tiêu chí được nhiều sinh viên lựa chọn (57,05% ở khóa 13DDS và 58,86% ở khóa 14DDS), cho thấy ước mơ, hoài bão và chí hướng phấn đấu của tuổi trẻ nói chung và tuổi trẻ Khoa Dược Đại học Nguyễn Tất Thành nói riêng. Ngoài ra, khóa 14DDS lại đánh giá cao tiêu chí “công việc ổn định” (chiếm 54,00%). Nguyên nhân là do khóa 14DDS có tỉ lệ nữ là 73,14% cao hơn so với tỉ lệ 67,63% của khóa 13DDS. “Để

tìm việc làm” cũng chiếm tỉ lệ khá cao đối với khóa 13DDS (59,94%) (Bảng 4).

**Về mức thu nhập mong muốn**

Khi hỏi về mức thu nhập mong muốn trong vòng 01 năm sau khi tốt nghiệp, 47,1% sinh viên khóa 13DDS mong muốn có mức thu nhập từ 8 triệu đến dưới 12 triệu đồng, có 39,7% sinh viên khóa 13DDS mong muốn mức thu nhập từ 5 đến dưới 8 triệu đồng (Bảng 5). Khảo sát khóa 14DDS cũng cho kết quả khá tương đồng: 44,9% sinh viên mong muốn có mức thu nhập từ 8 triệu đến dưới 12 triệu đồng, có 38,5% sinh viên mong muốn mức thu nhập từ 5 đến dưới 8 triệu đồng. Điều này chứng tỏ các bạn nhận thức được vị trí của mình ở đâu và đánh giá được năng lực của mình. Qua khảo sát cho thấy, Khóa 13DDS và 14DDS mong muốn mức thu nhập phù hợp với mặt bằng chung của sinh viên mới ra trường của ngành Dược

**Bảng 5** Bảng thống kê mức thu nhập mong muốn khóa 13DDS và 14DDS

Mức thu nhập	13DDS		14DDS	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Dưới 3 triệu	1	0,3	0	0,0
3 triệu – dưới 5 triệu	10	3,2	10	2,9
5 triệu – dưới 8 triệu	124	39,7	135	38,5
8 triệu – dưới 12 triệu	147	47,1	157	44,9
12 triệu – dưới 15 triệu	18	5,8	21	6,0
15 triệu trở lên	12	3,8	27	7,7
<b>Tổng</b>	<b>312</b>	<b>100,0</b>	<b>350</b>	<b>100,0</b>

**4 Kết luận**

- Phần lớn sinh viên lựa chọn đi làm sau khi tốt nghiệp (97,43% ở khóa 14DDS và 95,19% ở khóa 13DDS)

- Khóa 13DDS mong muốn làm việc ở vị trí chủ yếu là: dược sĩ nhà thuốc bệnh viện (11,91%), nhân viên văn phòng (11,01%), dược sĩ nhà thuốc tự nhân (9,51%). Ngoài ra, chuyên ngành quản lí cung ứng thuốc khóa 13DDS chọn marketing (8,55%), kinh doanh tự do (8,20%), trình dược viên (7,50%); ngược lại, chuyên ngành sản xuất và phát triển thuốc lại lựa chọn QA (13,43%) và QC (7,46%). Khóa 14DDS tại thời điểm khảo sát đang chuẩn bị chọn chuyên ngành: 86,29% số sinh viên chọn chuyên ngành quản lí và cung ứng thuốc, tương đồng với kết quả thực tế chọn chuyên ngành của khóa 13DDS và hoàn toàn phù hợp với thực tế nhu cầu lao động hiện nay trên lĩnh vực dược. Khóa 14DDS có dự định nghề nghiệp: dược sĩ nhà thuốc tư nhân (15%), kinh doanh tự do 13%, dược sĩ nhà thuốc bệnh viện và marketing dược chiếm 10%. Nhu cầu xã hội rất cần đến các dược sĩ lâm sàng và nhu cầu sử dụng các loại thuốc có nguồn gốc từ dược liệu và thuốc cổ truyền ngày càng lớn, nhưng lại được sinh viên lựa chọn với tỉ lệ nhỏ (5% sinh viên của mỗi khóa chọn Dược sĩ lâm sàng, có 3% sinh viên khóa 13DDS và 2% sinh viên khóa 14DDS chọn nuôi trồng dược liệu.

- TP.HCM là nơi làm việc được đa số sinh viên lựa chọn sau khi ra trường (chiếm 77,56% ở khóa 13DDS và 76% ở khóa 14DDS).

- Yếu tố chính ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp là thu nhập cao và cơ hội tích lũy kinh nghiệm.

- Mức lương mong muốn trong vòng 01 năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp là 8 – dưới 12 triệu (47,1% khóa 13DDS, 44,9% khóa 14DDS), 5 – dưới 8 triệu (39,7% khóa 13DDS, 38,5% khóa 14DDS).

## Tài liệu tham khảo

1. Võ Tấn Đạt (2016), *Định hướng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp*, Khóa luận tốt nghiệp Đại học, Đại học Cần Thơ.
2. Trần Thị Dương Liễu (2014), *Định hướng nghề nghiệp của sinh viên chuyên ngành Tâm lý học ở một số trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
3. Anne Lancry-Hoestlandt (2005), "Évolution historique d'« modèle français de l'orientation scolaire e' professionnelle, Quelques e'le'ments", *Hội thảo Quốc tế: Đối thoại Pháp - Á về các vấn đề và hướng đi cho GDHN tại Việt Nam*, Tr 5-22.
4. David G, Myers (2006), *Psychology*, Worth Publishers, New York.
5. Frank Parsons (1909), *Choosing a vocation*, Gay edition, London.

## Survey on occupational orientation of Nguyen Tat Thanh University's Pharmacy Faculty students

Nguyen Thi Nhu Quynh

Pharmacy Faculty, Nguyen Tat Thanh University

quynhntn@ntt.edu.vn

**Abstract** The topic using in-depth interview method to construct questionnaire and a questionnaire survey method to survey career orientation of 312 graduates of 13DDS session (255 students in Medicine Administration, 57 students specialized in Medicine Production and 350 students of 14DDS session about to specialize. The sample size is calculated according to the formula of Slovin (1960). 97.43% of 14DDS and 95.19% of 13DDS choose to find a job after graduation. 13DDS students would like to work as: hospital pharmacists (11,91%), officers (11,01%), pharmacists of private pharmacies (9,51%). 13DDS students studying Medicine Administration choose Marketing (8.55%), running Free Business (8.20%), working as pharmaceutical representatives (7.50%); Conversely, Medicine Production students would like to be QA (13.43%) and QC (7.46%). 86.29% of 14DDS students choose Medicine Administration which is similar to 13DDS and is perfectly suitable for actual labor demand on the pharmaceutical field. 14DDS career plans are: private pharmacies pharmacists (15%), 13% running free business, 10% being hospital pharmacists and marketing pharmacists. 5% of students each session choose to be a clinical pharmacist, 3% of the 13DDS students and 2% of the 14DDS students choose to cultivate medicinal herbs. The expected salary of one year graduates is 8-12 million VND (47.1% of 13DDS, 44.9% of 14DDS), 5 - 8 million VND (39.7% of 13DDS, 38.5% of 14DDS)...

**Keywords** occupational orientation, Nguyen Tat Thanh University's Pharmacy Faculty students, 13DDS, 14DDS



## MỤC LỤC

### A. KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ

- |   |  |  |    |
|---|--|--|----|
| 1 | Nghiên cứu tổng hợp BiVO <sub>4</sub> bằng phương pháp dung nhiệt và đánh giá khả năng quang xúc tác sử dụng ánh sáng nhìn thấy                          | Nguyễn Hữu Vinh, Nông Xuân Linh, Cao Đại Vũ, Nguyễn Duy Trinh                        | 1  |
| 2 | Detecting <i>Fasciola hepatica</i> and <i>F. gigantica</i> microRNAs with loop-mediated isothermal amplification (LAMP)                                  | Diem Hong Tran, Huong Thi Thu Phung  | 6  |
| 3 | Nghiên cứu xây dựng mạng lưới quan trắc chất lượng đất tại tỉnh Vĩnh Long  | Phùng Chí Sỹ, Võ Hồng Phong, Võ Quốc Bảo   | 12 |
| 4 | Nghiên cứu tổng hợp màng kháng khuẩn dựa trên nền polyvinyl alcohol/Agar kết hợp với dịch chiết lá Trà không ứng dụng trong bảo quản thực phẩm           | Hoàng Ngọc Bích, Nguyễn Thị Thương   | 20 |
| 5 | Impact of extract conditions on total phenolic compounds and antioxidant activities of Phu Quoc sim fruits ( <i>rhodomyrtus tomentosa</i> (ait.) hassk.) | Le Phuong Uyen, Vo Thi Thanh Nhan, Ngo Dai Hung, Vo Thanh Sang                       | 25 |
| 6 | Sản xuất tinh dầu gừng ở qui mô pilot bằng phương pháp chưng cất hydrodistillation   | Đỗ Đình Nhật, Huỳnh Việt Thắng   | 32 |
| 7 | Ảnh hưởng của nhiệt độ trong quá trình chần và sấy đến hàm lượng vitamin C trong gốc măng tây xanh ( <i>Asparagus officinalis</i> L.)                    | Nguyễn Thị Vân Linh, Nguyễn Lê Tú Uyên, Võ Tấn Thành                                 | 40 |
| 8 | Thiết lập qui trình nuôi ấu trùng giun đũa chó <i>Toxocara canis</i>   | Hồ Đăng Minh Nhựt, Nguyễn Thị Kê, Võ Doãn Trung, Phan Thị Ngọc Điệp, Nguyễn Hữu Hùng | 46 |
| 9 | Tối ưu hóa điều kiện phân tích bằng phương pháp sắc kí lỏng siêu hiệu năng cho các hợp chất thuộc họ CPA trong mẫu nước sông                             | Lê Hải Đường, Nguyễn Thị Thu Thảo, Mai Thanh Nhân                                    | 51 |

### B. KHOA HỌC SỨC KHỎE

- |    |   |   |    |
|----|---|---|----|
| 10 | Định lượng flavonoid toàn phần trong cao khô Rau đắng đất ( <i>Glinus oppositifolius</i> (L.) Aug. DC.) bằng phương pháp quang phổ UV-Vis | Nguyễn Thị Kim Liên, Ché Quang Minh, Lương Thị Thi Lam Nguyễn Hương Thư     | 57 |
| 11 | Tìm hiểu đặc điểm hình thái giải phẫu xương rồng lê gai <i>Opuntia ficus indica</i> (L.) Mill. ở Việt Nam                                 | Nguyễn Thị Cẩm Duyên  | 62 |
| 12 | Khảo sát tác động kháng viêm của một số hợp chất terpenoid phân lập từ cây Ngải cứu ( <i>Artemisia vulgaris</i> Asteraceae)               | Võ Thị Thu Hà   | 67 |
| 13 | Bước đầu điều tra cây thuốc sử dụng theo kinh nghiệm dân gian ở tỉnh Ninh Thuận   | Trần Hồng Diễm, Lê Văn Minh, Nguyễn Xuân Tuyền, Bạch Long Giang, Bùi Văn Kỳ | 72 |
| 14 | Phân tích hoạt động cung ứng các loại vắc-xin dịch vụ tại Trung tâm Y tế Dự phòng huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh năm 2016                 | Nguyễn Hoàng Khánh Linh   | 77 |
| 15 | Khảo sát định hướng nghề nghiệp của sinh viên Khoa Dược - Đại học Nguyễn Tất Thành  | Nguyễn Thị Như Quỳnh  | 89 |

